

PGS. TS. NGUYEN QUANG

CÁCH THỨC DIỄN ĐẠT

Trong
TIẾNG ANH

*Ways
of expression in
English*



NHÀ XUẤT BẢN TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA

PGS. TS. NGUYỄN QUANG

CÁCH THỨC DIỄN ĐẠT TRONG TIẾNG ANH

WAYS OF EXPRESSION IN ENGLISH

(CÚ ĐIỂN DỤNG HỌC ANH - VIỆT)

NHÀ XUẤT BẢN TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA

Lời nói đầu

Cuốn sách này nhằm phục vụ các đối tượng độc giả học và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp trong các tình huống thông thường. Chúng tôi gọi nó là cuốn Cách thức diễn đạt trong tiếng Anh (Cú điển dụng học Anh - Việt) vì các lý do sau:

1. Các đơn vị được đưa vào cuốn sách nằm ở bình diện phát ngôn, hoặc với tư cách là các phát ngôn (PN) kiểu "cấu kiện đúc sẵn" (prefabricated units), ví dụ:

- No, it's no good. It's gone. → Chán quá. Quên tiết cả.

hoặc với vai trò là các khung phát ngôn tiềm năng (KPNTN), ví dụ:

- has my full support → Tôi hoàn toàn ủng hộ...

2. Việc chuyển dịch các PN/KPNTN từ tiếng Anh sang tiếng Việt không dựa thuần túy vào chuyển dịch ngôn ngữ (linguistic transfer) mà chủ yếu dựa trên chuyển dịch giao tiếp (communicative transfer) và chuyển dịch giao văn hoá (cross-cultural transfer), có nghĩa là cái phông nền của sự chuyển dịch chính là lực ngữ dụng (pragmatic force), là cái ý định mà người nói muốn chuyển tải qua phát ngôn và cái tác động mà phát ngôn đó tạo ra cho người nghe trong một ngôn ngữ - văn hoá đặc thù. Nếu thống nhất trên cơ sở dụng học giao văn hoá này, ta sẽ dễ dàng chấp nhận những câu dịch sau:

thống nhất trên cơ sở dụng học giao văn hoá này, ta sẽ dễ dàng chấp nhận những câu dịch sau:

+ **Search me:** Hỏi tôi thì hỏi cái đầu gối còn hơn.

+ **As luck would have it, -----:** May thay, -----

3. Các PN/KPNTN được tập hợp trong các hành động lời nói (ví dụ: diễn tả sự ngạc nhiên, diễn tả sự chắc chắn, than phiền...); và các hành động này, đến lượt chúng, lại được tập hợp vào bảy nhóm. Đó là:

* **Greeting and Taking Leave** (Gặp gỡ và chia tay)

* **Showing Feeling and Attitude** (Biểu lộ thái độ và tình cảm)

* **Asking people to do things** (Đề nghị, nhờ vả)

* **Showing Concern and Absence of Concern** (Bày tỏ sự quan tâm, lưu ý và sự thờ ơ, không lưu tâm)

* **Advising and Warning** (Khuyến răn và cảnh báo)

* **Showing Ability, Possibility and Predicting** (Nêu khả năng, dự định và đoán định)

* **Presenting and Arguing** (Trình bày và lập luận)

4. Người ta có thể dễ dàng chấp nhận rằng có nhiều PN/KPNTN phục vụ cho một hành động lời nói. Nhưng thực tế sử dụng ngôn ngữ cũng cho phép chúng ta đồng ý với nhau rằng có thể có các PN/KPNTN phục vụ cho nhiều hơn một hành động lời nói và, thậm chí, nhóm hành động lời nói. Chính vì vậy mà trong cuốn sách này, một số PN/KPNTN xuất hiện ở nhiều hơn một hành động lời nói và/hoặc nhóm hành động lời nói. Vì việc chuyển

dịch sang tiếng Việt được xử lý trên cơ sở của lực ngữ dụng (như đã trình bày ở phần [2]) nên ta có thể thấy rằng, với cùng một PN/KPNTN, nhưng ở hai hành động lời nói khác nhau, nó lại được dịch theo hai cách khác nhau. Đó là dụng ý của tác giả.

Hì vọng rằng, với những lần chỉnh lý và bổ sung sau, chúng ta không chỉ gia tăng được số lượng các PN và KPNTN ở các hành động lời nói đã có, mà còn mở rộng được số lượng các hành động lời nói khác ngõ hầu đáp ứng được cao hơn các yêu cầu đa dạng của độc giả.

Cũng nhân đây, chúng tôi xin được lưu ý cùng độc giả: Mặc dù việc chuyển dịch các PN/KPNTN được dựa trên cơ sở lực ngữ dụng, nhưng nó không có nghĩa là nếu ta sử dụng một PN/KPNTN thành công trong ngôn ngữ-văn hoá Việt thì khi sử dụng PN/KPNTN tương ứng trong tiếng Anh khi giao tiếp với người Anh - Mĩ - Úc, ta cũng sẽ đạt tới sự thành công tương ứng, bởi điều đó còn phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố mang tính đặc thù văn hoá (culture specific) như: giá trị, đức tin, quan niệm, phong cách giao tiếp, cảm kị ...; và thậm chí, nó còn tùy thuộc vào cả tần suất sử dụng của PN/KPNTN đó nữa. Ví dụ, với phát ngôn "How goes it with you?", ta có thể chuyển dịch theo lực ngữ dụng tương đương ra tiếng Việt là "Anh/Chị làm ăn thế nào?". Tuy nhiên, theo quan sát cá nhân cũng như qua kết quả khảo sát cùng các sinh viên của mình, chúng tôi thấy phát ngôn này có tần suất sử dụng khá cao trong ngôn ngữ - văn hoá Việt, nhưng lại rất thấp trong ngôn ngữ - văn hoá Anh - Mĩ - Úc.

Nói tóm lại, ta không nên coi đây là cuốn cẩm nang giao tiếp mà nên nhìn nhận nó như một cuốn sách trợ giúp ta trong quá trình học và giao tiếp bằng tiếng Anh. Muốn giao tiếp thành công với người bản ngữ, chúng tôi thiết nghĩ, ta cần phải nắm bắt, phát triển và kết hợp được kiến thức ngôn ngữ, kiến thức văn hoá cùng các kỹ năng giao tiếp trên cơ sở hoàn thiện tính nhạy bén giao văn hoá (cross-cultural sensitivity) trong mỗi cá nhân.

Nhân dịp cuốn sách được ra mắt Quý độc giả, chúng tôi xin tri ân sự giúp đỡ nhiệt tình của bà Nguyễn Phạm Vân Hương, cô Nguyễn Quỳnh Trang và cô Nguyễn Thuỳ Trang trong quá trình thu thập và phân loại các PN/KPNTN.

Chúng tôi tin chắc rằng cuốn sách này còn rất nhiều khiếm khuyết và những khiếm khuyết đó hoàn toàn thuộc về tác giả. Rất mong nhận được những ý kiến đóng góp chân thành của Quý độc giả. Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn!

GREETING AND TAKING LEAVE

(Gặp gỡ và chia tay)



1. GREETING

(Chào)

- Hi *Chào.*
- Hi there *Chào nhé.*
- Hello *Xin chào.*
- Hello there *Xin chào nhé.*
- Hallo *Xin chào.*
- Hallo there *Xin chào nhé.*
- Hullo *Xin chào.*
- Hullo there *Xin chào nhé.*
- Cheerio *Xin chào.*
- Morn. old chap *Chào anh bạn.*
- Morning *(Chào) buổi sáng.*
- G' morning *Chào buổi sáng / Một buổi sáng tốt lành.*
- Good morning *Chào buổi sáng / Chúc một buổi sáng tốt lành.*
- G' noon *Chào buổi trưa / Một buổi trưa tốt lành.*
- Good noon *Chào buổi trưa / Chúc một buổi trưa tốt lành.*
- Afternoon *(Chào) buổi chiều.*
- G' afternoon *Chào buổi chiều / Một buổi chiều tốt lành.*
- Good afternoon *Chào buổi chiều / Chúc một buổi chiều tốt lành.*
- Evening *(Chào) buổi tối.*
- G' evening *Chào buổi tối / Một buổi tối tốt lành.*
- Good evening *Chào buổi tối / Chúc một buổi tối tốt lành.*

